

Bản án số: 56/2022/HNGĐ - ST
Ngày 16 - 12 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Minh Trí
Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc B, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh B xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 13/7/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 10 năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm,

thường xuyên cãi vã không thể hòa hợp được, nên đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2014 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng sống ly thân thời gian dài, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Nguyễn K M Q, sinh ngày 14/9/2008, khi vợ chồng sống ly thân cháu Q ở với bà nội. Sau khi ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Khắc B: Anh Nguyễn Khắc B có địa chỉ thường trú tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, chị T cung cấp thông tin về nơi cư trú của anh B: Anh Nguyễn Khắc B hiện nay đang làm việc tại Phòng khám đa khoa P; Địa chỉ: thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ, ủy thác cho Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ.

Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã tiến hành triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Biểu và gửi bản gốc bản tự khai, đơn vắng mặt của anh Nguyễn Khắc B cho Tòa án nhân dân huyện Nông Cống

Tại bản tự khai ngày 04/11/2022 của anh Nguyễn Khắc B, anh B trình bày:

Anh và chị T quen nhau được một thời gian ngắn thì tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N vào ngày 13/7/2007, sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Bình Dương, đến tháng 5 năm 2008 vợ chồng về quê để sinh con, vợ chồng sống với nhau 03 năm ở quê, sau đó anh vào Bình Dương, còn chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ tháng 11 năm 2012 trong thời gian này vợ chồng không liên lạc với nhau, hiện tại hai bên đều có cuộc sống riêng, nên anh đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn K M Q, sinh ngày 14/9/2008 hiện tại cháu Q đang ở với bà nội tại Thanh Hóa từ lúc 03 tuổi, khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B trình bày do bận công việc và đi lại xa xôi nên anh đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị Lê Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực

hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T. Về hôn nhân giải quyết cho chị T được ly hôn anh B; Về con chung: giao cháu Nguyễn K M Q, sinh ngày 14/9/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét; Về tài sản chung: chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn giữa chị và anh B, anh B có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; chị T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, anh B đề nghị giải quyết vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự; anh B đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn K B: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Khắc B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh B là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị sống ly thân thời gian dài mỗi người mỗi nơi, vợ chồng không gần nhau nên tình cảm phai nhạt. Chị T và anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị ly hôn.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh B, theo biên bản xác minh ngày 21/11/2022 tại UBND xã T, huyện N xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng chị T vào miền nam lập nghiệp, năm 2008 vợ chồng về địa phương sinh sống, đến năm 2011 anh B vào Bình Dương làm ăn, chị T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng xa cách nhau nên tình cảm phai nhạt, không có sự động viên lẫn nhau nên xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 11/2012 đến nay.

Căn cứ vào trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân có căn cứ để xác định, hôn nhân giữa chị T và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì

vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là Nguyễn K M Q, sinh ngày 14/9/2008, khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, cháu Q có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu ở với mẹ, chị T cũng có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, anh B đồng ý giao con chị T nuôi dưỡng. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu Nguyễn K M Q, sinh ngày 14/9/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Q.

Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Khắc B.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn K M Q, sinh ngày 14/9/2008 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Khắc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007008 ngày 04/10/2022 (chị Tùng đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã T;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Sơn